

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-42

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở của Công ty tại: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Trần Minh Đăng	Phụ trách điều hành
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên
Ông Phan Quốc Khải	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Thái	Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Xuân Hường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2025
Bà Trần Thị Tố Anh	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Bông	Trưởng ban
Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên
Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Võ Trần Minh Đăng - Phụ trách điều hành và Ông Nguyễn Hồng Thái - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Tây Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2025
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


Nguyễn Hồng Thái

Số: 290725.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được lập ngày 29 tháng 07 năm 2025 từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		657.813.713.319	587.554.932.699
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	289.837.875.484	260.095.099.895
111	1. Tiền		68.543.235.047	83.669.233.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		221.294.640.437	176.425.866.757
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		223.503.423.691	196.214.633.093
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.736.647.951	277.593.354
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	192.900.501.880	187.984.147.992
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.985.976.178	8.072.594.065
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(119.702.318)	(119.702.318)
140	III. Hàng tồn kho	9	97.393.834.610	92.161.619.314
141	1. Hàng tồn kho		97.393.834.610	92.161.619.314
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		47.078.579.534	39.083.580.397
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.654.268.992	1.577.965.946
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		38.424.310.542	37.505.614.451
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.612.809.477.816	1.606.519.076.924
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		590.748.000	576.634.800
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	590.748.000	576.634.800
220	II. Tài sản cố định		994.865.988.626	961.197.472.687
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	994.865.988.626	961.197.472.687
222	- Nguyên giá		1.445.157.362.868	1.384.834.207.110
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(450.291.374.242)	(423.636.734.423)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		1.607.108.000	1.595.470.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.607.108.000)	(1.595.470.800)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		465.280.676.057	492.939.836.104
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	465.280.676.057	492.939.836.104
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	150.618.005.734	150.551.077.348
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17.980.946.128	17.914.017.742
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		140.773.020.950	140.773.020.950
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.135.961.344)	(8.135.961.344)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.454.059.399	1.254.055.985
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.454.059.399	1.254.055.985
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.270.623.191.135	2.194.074.009.623

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		284.971.320.465	317.293.401.289
310	I. Nợ ngắn hạn		283.654.124.013	279.766.565.583
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	27.910.121.514	2.193.616.560
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	153.396.917.630	139.294.093.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	8.534.677.797	8.894.612.564
314	4. Phải trả người lao động		28.984.717.187	62.993.493.888
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	46.351.862.228	34.164.924.606
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.820.514.252	1.410.521.545
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	-	9.804.531.924
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.655.313.405	21.010.770.696
330	II. Nợ dài hạn		1.317.196.452	37.526.835.706
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	-	36.209.639.254
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.a	1.317.196.452	1.317.196.452
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.985.651.870.670	1.876.780.608.334
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.985.651.870.670	1.876.780.608.334
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(43.777.986.793)	(43.777.986.793)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		189.766.724.557	160.502.676.122
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.280.861.560.627	1.238.644.371.958
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		258.801.572.279	221.411.547.047
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		153.522.983.438	126.747.659
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		105.278.588.841	221.284.799.388
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.270.623.191.135	2.194.074.009.623

Người lập

Kế toán trưởng

Tây Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc

Ngô Long Phi

Trần Thị Tố Anh

Nguyễn Hồng Thái

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	358.218.921.484	235.996.124.363
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		358.218.921.484	235.996.124.363
11	4. Giá vốn hàng bán	23	229.022.520.239	183.121.485.858
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		129.196.401.245	52.874.638.505
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.056.319.543	13.318.323.667
22	7. Chi phí tài chính	25	418.896.853	6.755.636.825
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		336.524.145	6.700.383.889
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		66.928.386	(6.351.225.100)
25	9. Chi phí bán hàng	26	2.835.035.230	3.980.184.451
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	26.253.898.098	20.361.372.561
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.811.818.993	28.744.543.235
31	12. Thu nhập khác	28	1.740.598.795	3.030.969.957
32	13. Chi phí khác	29	817.025.916	1.106.345.797
40	14. Lợi nhuận khác		923.572.879	1.924.624.160
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		112.735.391.872	30.669.167.395
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	7.456.803.031	2.226.866.340
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31.b	-	247.700.252
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		105.278.588.841	28.194.600.803
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		105.278.588.841	28.194.600.803
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	3.615	968

Người lập

Ngô Long Phi

Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh



Tây Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		112.735.391.872	30.669.167.395
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22.939.827.494	21.783.808.848
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(136.843.177)	(50.697.906)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.823.541.625)	(6.347.568.936)
06	- Chi phí lãi vay		336.524.145	6.700.383.889
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		124.051.358.709	52.755.093.290
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.850.524.679)	(13.691.325.891)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.232.215.296)	(3.701.551.065)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		17.843.996.290	51.756.496.641
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.276.306.460)	(14.620.921.063)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(392.124.654)	(6.811.361.974)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.161.251.825)	(4.066.241.294)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.026.832.231)	(44.459.559.054)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		66.956.099.854	17.160.629.590
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.018.015.236)	(8.607.230.569)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.385.538.029	7.696.633.662
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.632.477.207)	(910.596.907)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(46.014.171.178)	(75.852.215.146)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(46.014.171.178)	(75.852.215.146)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		18.309.451.469	(59.602.182.463)

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		260.095.099.895	106.303.947.651
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.433.324.120	25.983.405.774
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	289.837.875.484	72.685.170.962

Người lập

Ngô Long Phi

Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh



Tây Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở của Công ty tại: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 300.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 300.000.000.000 VND; tương đương 30.000.000 cổ phần, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 29.125.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 2.368 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 2.490 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Trồng và kinh doanh cao su.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch. Chi tiết: Chế biến cao su nguyên liệu;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Chăm sóc cây cao su;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Cưa, xẻ gỗ cao su;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ. Chi tiết: Đóng pallet;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công, xây lắp công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Các công trình thể thao, công trình thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Dịch vụ rửa xe;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, nhớt, mỡ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Bán buôn vật tư tổng hợp;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Các mặt hàng lưu niệm;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà đất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm nghiệm cao su cốm SVR các loại và cao su ly tâm theo TCVN;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (bao gồm xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất);
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (quản lý vận hành khu công nghiệp).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2025, giá bán bình quân các mặt hàng cao su trên thị trường có xu hướng gia tăng dẫn đến doanh thu, lãi gộp và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng lần lượt số tiền là 122,223 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 51,79%), 76,322 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 144,34%) và 82,066 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 267,59%) so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su	Vương quốc Campuchia	100%	100%	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng phải trả.
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước.
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính.
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính giữa niên độ lập bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá tỷ giá bình quân kỳ kế toán.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

Khấu hao tài sản là vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần về việc ban hành điều chỉnh tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm áp dụng từ ngày 01/01/2010 như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
- Năm thứ 1	2,5	- Năm thứ 11	7,0
- Năm thứ 2	2,8	- Năm thứ 12	6,6
- Năm thứ 3	3,5	- Năm thứ 13	6,2
- Năm thứ 4	4,4	- Năm thứ 14	5,9
- Năm thứ 5	4,8	- Năm thứ 15	5,5
- Năm thứ 6	5,4	- Năm thứ 16	5,4
- Năm thứ 7	5,4	- Năm thứ 17	5,0
- Năm thứ 8	5,1	- Năm thứ 18	5,0
- Năm thứ 9	5,1	- Năm thứ 19	5,2
- Năm thứ 10	5,0	- Năm thứ 20	Còn lại

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản và chi phí xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản bao gồm các chi phí nguyên vật liệu phục vụ công tác trồng và chăm sóc, chi phí nhân công và các khoản chi phí chung khác có liên quan. Các vườn cây kiến thiết cơ bản được ghi nhận tăng tài sản cố định khi đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần, thông thường chu kỳ đầu tư khoảng 07 - 08 năm tùy vào tiêu chuẩn kỹ thuật của từng năm trồng. Và chi phí xây dựng cơ bản chưa hoàn thành bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.
- Chi phí thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững, chi phí cấp giấy phép môi trường ("chứng chỉ/giấy phép") được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn chứng chỉ/giấy phép có hiệu lực.
- Chi phí sửa chữa tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm
- Chi phí phân bón xuất dùng cho vườn cây được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ trong thời gian 01 năm tài chính căn cứ tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế trong kỳ so với kế hoạch của cả năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như: chi phí Quỹ an sinh xã hội, Quỹ hiến tặng môi trường, chi phí bồi dưỡng độc hại và tiền ăn giữa ca, chi phí khấu hao vườn cây kinh doanh Best Royal,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là khoản chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính công ty con từ đồng USD sang Đồng Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Tại Công ty mẹ

Theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến, thanh lý mù cao su ở địa bàn tỉnh Tây Ninh cho suốt thời gian hoạt động.

Tại Công ty Tây Ninh - Siê Riệp Phát triển Cao su (Công ty con)

Theo Thông báo số 20386.opd ngày 17/11/2017 của Tổng Cục thuế Campuchia, kể từ ngày 19/12/2013 trở đi, Công ty con được ưu đãi miễn thuế lợi tức đối với thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư "Nông trường trồng Cây Nông - Công nghiệp (Cây cao su) và xây dựng nhà máy chế biến" với thời gian hưởng ưu đãi được tính theo công thức: giai đoạn chính + thời gian 03 năm + thời gian ưu đãi 03 năm.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Giai đoạn chính được tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký vĩnh viễn (ngày 19/12/2013) và kết thúc vào ngày cuối của năm đóng thuế, trước năm mà Công ty con có doanh thu chịu thuế ban đầu hoặc kết thúc vào năm thứ 03 tính từ khi Công ty con có doanh thu ban đầu và Công ty con phải chọn lấy trường hợp nào xảy ra trước.
Năm 2025 là năm thứ 06 Công ty có doanh thu ban đầu từ dự án đầu tư, đồng thời cũng là năm cuối cùng trong thời gian ưu đãi 03 năm.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Đối với thu nhập khác thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác, thanh lý vườn cây cao su..., Công ty mẹ và Công ty con được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.107.255.026	1.339.288.664
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.435.980.021	82.329.944.474
Các khoản tương đương tiền	221.294.640.437	176.425.866.757
	289.837.875.484	260.095.099.895

Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 221.294.640.437 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8%/năm đến 4,5%/năm.



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư vào Công ty liên kết

	Địa chỉ	30/06/2025		01/01/2025	
		Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gõ Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	49,00%	17.980.946.128	49,00%	17.914.017.742
			<u>17.980.946.128</u>		<u>17.914.017.742</u>

b) Đầu tư vào đơn vị khác

	Mã CK	30/06/2025			01/01/2025		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào ⁽¹⁾		77.500.000.000		-	77.500.000.000		-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su ⁽¹⁾		8.661.170.000		(8.135.961.344)	8.661.170.000		(8.135.961.344)
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam ⁽²⁾	VRG	17.660.000.000	45.033.000.000	-	17.660.000.000	43.620.200.000	-
- Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai ⁽¹⁾		36.951.850.950		-	36.951.850.950		-
		<u>140.773.020.950</u>	<u>45.033.000.000</u>	<u>(8.135.961.344)</u>	<u>140.773.020.950</u>	<u>43.620.200.000</u>	<u>(8.135.961.344)</u>

(1) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(2) Cổ phiếu niêm yết trên sàn Upcom, biến động thường xuyên theo giá trị thị trường và giá trị của chúng có thể được xác định một cách đáng tin cậy, giá trị hợp lý là giá đóng cửa trên thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025).

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh 38.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong kỳ:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	49,00%	49,00%	Chế biến gỗ, xuất nhập khẩu gỗ.
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Thành lập tại TP. Hồ Chí Minh; hoạt động tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	10,00%	10,00%	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mùn cao su.
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	2,34%	2,34%	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại cao su, nông, lâm, thủy sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn, resort; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Tỉnh Hải Dương	6,82%	6,82%	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp.
- Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	15,25%	15,25%	Trồng, khai thác và chế biến sản phẩm từ cao su.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Cửa hàng xăng dầu	60.167.349	-	67.879.036	-
- Công ty TNHH Trần Ngọc Tâm	119.702.318	(119.702.318)	119.702.318	(119.702.318)
- Công ty TNHH Minh Thy Vàng	6.866.841.159	-	-	-
- Phòng khám đa khoa và Quầy thuốc	95.242.125	-	86.137.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Việt Thổ	1.594.695.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Môi trường Xanh Huế Phương Việt Nam	-	-	3.875.000	-
	8.736.647.951	(119.702.318)	277.593.354	(119.702.318)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH Best Royal (*)	190.696.514.630	-	185.978.461.830	-
- Trả trước cho người bán khác	2.203.987.250	-	2.005.686.162	-
	192.900.501.880	-	187.984.147.992	-

(*) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Best Royal theo hợp đồng số 30/2015/HDKT-TNSR ngày 26/10/2015 và hợp đồng số 31/2015/HDKT-TNSR ngày 04/12/2015 về việc sang nhượng đất sạch trồng cao su năm 2013, 2014, 2015 giữa Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh - Siêm Riệp và Công ty TNHH Best Royal.
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 10.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.233.018.210	-	-	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	351.447.979	-	213.390.979	-
- Tạm ứng	563.591.811	-	73.163.195	-
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	7.328.646.361	-	2.708.938.446	-
- Phải thu về chi hệ Công ty TNHH Best Royal	4.610.991.534	-	4.162.710.941	-
- Phải thu ngân sách Nhà nước về tiền thuê đất được miễn giảm	890.970.193	-	914.390.504	-
- Phải thu khác	7.310.090	-	-	-
	21.985.976.178	-	8.072.594.065	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	590.748.000	-	576.634.800	-
	590.748.000	-	576.634.800	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	8.233.018.210	-	-	-
	8.233.018.210	-	-	-

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
- Công ty TNHH Trần Ngọc Tâm	119.702.318	-	119.702.318	-
	<u>119.702.318</u>	<u>-</u>	<u>119.702.318</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	30.633.425.380	-	13.374.063.162	-
Công cụ, dụng cụ	11.010.594.762	-	3.770.646.730	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.287.398.594	-	22.508.818.007	-
Thành phẩm	20.657.042.986	-	40.674.860.234	-
Hàng hoá	457.557.388	-	779.603.373	-
Hàng gửi đi bán	9.347.815.500	-	11.053.627.808	-
	<u>97.393.834.610</u>	<u>-</u>	<u>92.161.619.314</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình nông nghiệp	405.340.659.122	429.822.959.276
- Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản tại Việt Nam	112.588.355.994	144.064.622.788
- Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản Best Royal tại Vương quốc Campuchia ^(*)	292.752.303.128	285.758.336.488
Đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa tài sản	59.940.016.935	63.116.876.828
- Nhà máy chế biến mù	1.464.692.300	1.429.700.230
- Chi phí chờ phân bổ	58.371.817.394	61.428.304.583
- Các công trình, chi phí khác	103.507.241	258.872.015
	<u>465.280.676.057</u>	<u>492.939.836.104</u>

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

- (*) Theo Nghị quyết số 02/NQHĐTVCSVN ngày 22/04/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần ("Tập đoàn") và Biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh ngày 27/04/2014, Tập đoàn và Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã thống nhất chủ trương và ủy quyền cho Công ty con của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh là Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su được thực hiện các thủ tục nhận sang nhượng dự án Best Royal của Công ty TNHH Best Royal để trồng cao su với diện tích từ 4.000 đến 4.500 ha. Trong năm 2015, Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (Bên A) và Công ty TNHH Best Royal (Bên B) đã ký kết hợp đồng số 30/2015/HDKT-TNSR ngày 26/10/2015 và hợp đồng số 31/2015/HDKT-TNSR ngày 04/12/2015. Theo đó, Bên B sẽ sang nhượng cho Bên A toàn bộ diện tích vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2013 và diện tích đất trồng cao su năm 2014, 2015 với tổng diện tích là 3.069,967 ha, trong đó, diện tích vườn cây năm 2013 hiện hữu là 651,39 ha. Tổng giá trị hợp đồng là 8.119.806,00 USD.

Đến ngày 30/06/2025, tình hình thực hiện hợp đồng này như sau:

- Bên B đã bàn giao toàn bộ diện tích của 02 Hợp đồng này cho Bên A quản lý, đầu tư chăm sóc.
- Giá trị sang nhượng Bên A đã ứng trước cho Bên B là 7.359.958,11 USD tương đương 190.696.514.630 VND đang được ghi nhận trên khoản mục "Trả trước cho người bán ngắn hạn".
- Bên A cũng đã tiến hành đầu tư trồng mới, chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản trên diện tích đất nhận bàn giao số tiền 11.298.815,25 USD tương đương 292.752.303.128 VND theo dõi trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".

Trong năm 2017, Hội đồng thành viên Tập đoàn đã ban hành Công văn số 250/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 25/04/2017 để thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư nhận chuyển nhượng dự án cao su của Công ty TNHH Best Royal theo Nghị quyết số 02/NQHĐTVCSVN ngày 22/04/2014. Theo đó, Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su sẽ đầu tư tài chính vào Công ty TNHH Best Royal, sở hữu 100% và quản lý toàn diện Công ty TNHH Best Royal.

Đến ngày 30/06/2025, các bên vẫn đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo các quy định của Luật pháp Vương quốc Campuchia để đầu tư tài chính vào Công ty TNHH Best Royal.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	149.738.870.719	103.802.208.029	40.388.996.526	7.106.520.670	1.083.797.611.166	1.384.834.207.110
- Mua trong kỳ	-	1.112.451.727	-	-	-	1.112.451.727
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	37.528.324.214	37.528.324.214
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	1.614.334.328	162.056.533	209.903.389	11.893.714	19.684.191.853	21.682.379.817
Số dư cuối kỳ	151.353.205.047	105.076.716.289	40.598.899.915	7.118.414.384	1.141.010.127.233	1.445.157.362.868
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	118.561.390.411	97.215.972.449	35.985.186.676	6.988.320.906	164.885.863.981	423.636.734.423
- Khấu hao trong kỳ	2.623.544.190	1.517.345.912	411.372.255	22.271.376	18.365.293.761	22.939.827.494
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	1.251.929.197	140.120.189	209.890.938	11.893.714	2.100.978.287	3.714.812.325
Số dư cuối kỳ	122.436.863.798	98.873.438.550	36.606.449.869	7.022.485.996	185.352.136.029	450.291.374.242
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	31.177.480.308	6.586.235.580	4.403.809.850	118.199.764	918.911.747.185	961.197.472.687
Tại ngày cuối kỳ	28.916.341.249	6.203.277.739	3.992.450.046	95.928.388	955.657.991.204	994.865.988.626

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 175.351.245.269 VND.

(*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.595.470.800	1.595.470.800
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	11.637.200	11.637.200
Số dư cuối kỳ	1.607.108.000	1.607.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.595.470.800	1.595.470.800
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	11.637.200	11.637.200
Số dư cuối kỳ	1.607.108.000	1.607.108.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

(*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.607.108.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Phân bón xuất dùng cho vườn cây	8.144.681.541	-
Nhiên liệu, hóa chất, bao bì sản phẩm chưa sử dụng hết	69.158.563	860.822.243
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	262.675.926	525.351.852
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	177.752.962	191.791.851
	8.654.268.992	1.577.965.946
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.350.002	31.620.000
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.145.029.759	791.991.244
Chi phí thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững, chi phí cấp giấy phép môi trường	282.679.638	411.476.491
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	18.968.250
	1.454.059.399	1.254.055.985

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	448.911.156	448.911.156	430.560.000	430.560.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao Su	212.760.000	212.760.000	212.760.000	212.760.000
- Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	150.831.156	150.831.156	-	-
- Công ty TNHH In Cao su Việt Nam	85.320.000	85.320.000	217.800.000	217.800.000
Bên khác	27.461.210.358	27.461.210.358	1.763.056.560	1.763.056.560
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Xuất nhập khẩu Đức Thành	14.502.306.820	14.502.306.820	-	-
- Công ty TNHH MTV Phạm Thiện Anh	2.287.772.060	2.287.772.060	-	-
- Choem Sok Construction Co., Ltd	133.261.275	133.261.275	-	-
- Công ty Cổ phần F.A	372.187.515	372.187.515	961.669.956	961.669.956
- Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Xây dựng Quang Vinh	17.750.000	17.750.000	354.620.000	354.620.000
- Mrad Mekong Rubber Agricultural Development Co., Ltd	8.798.403.863	8.798.403.863	-	-
- Saigon Plant Protection Joint Stock Company (Cambodia) Co., Ltd	354.375.000	354.375.000	-	-
- Sun Piseth Development Co., Ltd	610.655.850	610.655.850	-	-
- Công ty Sokna Navin	168.511.875	168.511.875	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	215.986.100	215.986.100	446.766.604	446.766.604
	27.910.121.514	27.910.121.514	2.193.616.560	2.193.616.560

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>152.244.907.500</i>	<i>127.755.000.000</i>
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	31.275.720.000	-
- C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	120.969.187.500	127.755.000.000
<i>Bên khác</i>	<i>1.152.010.130</i>	<i>11.539.093.800</i>
- Công ty TNHH Quốc tế Thiên Vinh	-	1.145.188.800
- Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương	312.439.680	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phúc Anh Vina	-	3.843.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sao Nam	-	2.852.217.900
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Tin Trung	791.274.750	3.271.595.040
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	48.295.700	427.092.060
	<u>153.396.917.630</u>	<u>139.294.093.800</u>

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	CLTG do chuyển đổi BCTC (*)	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	665.066.443	7.100.101.014	5.928.846.336	-	-	1.836.321.121
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.147.670.122	1.147.670.122	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.227.131.599	7.456.803.031	12.161.251.825	-	-	2.522.682.805
Thuế Thu nhập cá nhân	-	727.923.363	5.533.019.223	6.093.582.531	6.318.780	-	173.678.835
Thuế Tài nguyên	-	14.129.280	36.834.720	45.756.800	-	-	5.207.200
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	4.951.112.449	979.052.113	-	-	3.972.060.336
Các loại thuế khác	-	260.361.879	230.323.271	468.160.506	2.202.856	-	24.727.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	31.500.000	31.500.000	-	-	-
	-	8.894.612.564	26.487.363.830	26.855.820.233	8.521.636	-	8.534.677.797

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Tây Ninh - SiêM Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	55.600.509
- Chi phí Quỹ an sinh xã hội, Quỹ hiến tặng môi trường	6.586.153.875	4.060.082.006
- Trích trước chi phí phân bón xuất dùng cho vườn cây	3.683.500.791	-
- Chi phí bồi dưỡng độc hại và tiền ăn giữa ca	1.477.408.500	1.606.134.500
- Tiền điện trích trước	294.134.535	386.576.241
- Chi phí khấu hao vườn cây kinh doanh Best Royal (*)	33.916.036.613	27.411.920.212
- Trích trước chi phí sửa chữa	-	41.500.000
- Chi phí phải trả khác	394.627.914	603.111.138
	46.351.862.228	34.164.924.606

(*) Chi phí khấu hao tạm trích của các vườn cây kinh doanh thuộc dự án Best Royal đã đưa vào khai thác với tổng diện tích 1.687,14 ha.

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 10.

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	491.082.324	-
- Bảo hiểm xã hội	288.847.125	291.810.306
- Bảo hiểm y tế	250.115.250	251.421.329
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	528.426.928	447.744.694
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	103.200.500	103.200.500
- Phải trả về nhận trước tiền hợp tác trồng xen canh cây ngắn ngày	-	158.566.881
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	158.842.125	157.777.835
	1.820.514.252	1.410.521.545

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phnom Penh	9.804.531.924	9.804.531.924	-	9.804.531.924	-	-
	9.804.531.924	9.804.531.924	-	9.804.531.924	-	-
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phnom Penh	46.014.171.178	46.014.171.178	-	46.014.171.178	-	-
	46.014.171.178	46.014.171.178	-	46.014.171.178	-	-
Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.804.531.924)	(9.804.531.924)	-	(9.804.531.924)	-	-
Khoản vay đến hạn trả sau 12 tháng	36.209.639.254	36.209.639.254			-	-

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	300.000.000.000	(43.777.986.793)	106.175.732.790	1.220.287.658.751	68.025.156.083	1.650.710.560.831
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	28.194.600.803	28.194.600.803
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	18.356.713.207	(18.356.713.207)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(23.123.913.214)	(23.123.913.214)
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(205.282.003)	(205.282.003)
CLTG do chuyển đổi BCTC (*)	-	-	53.005.643.655	-	-	53.005.643.655
Số dư cuối kỳ trước	300.000.000.000	(43.777.986.793)	159.181.376.445	1.238.644.371.958	54.533.848.462	1.708.581.610.072
Số dư đầu kỳ này	300.000.000.000	(43.777.986.793)	160.502.676.122	1.238.644.371.958	221.411.547.047	1.876.780.608.334
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	105.278.588.841	105.278.588.841
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	42.217.188.669	(42.217.188.669)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(25.515.219.686)	(25.515.219.686)
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(156.155.254)	(156.155.254)
CLTG do chuyển đổi BCTC (*)	-	-	29.264.048.435	-	-	29.264.048.435
Số dư cuối kỳ này	300.000.000.000	(43.777.986.793)	189.766.724.557	1.280.861.560.627	258.801.572.279	1.985.651.870.670

(*) Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su từ đồng USD sang VND.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 1314/NQ-ĐHĐCĐCSTN ngày 27/06/2025, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty mẹ	100	140.723.962.229
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	42.217.188.669
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2 tháng lương)	18,13	25.515.219.686
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (1 tháng lương)	0,11	156.155.254
Chia cổ tức (25%/Mệnh giá) (i)	51,74	72.812.500.000

(i) Tại ngày 30/06/2025, Công ty chưa hoàn thành các thủ tục chốt quyền nhận cổ tức với Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	60,00	180.000.000.000	60,00	180.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	0,38	1.140.000.000	4,82	14.470.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành	-	-	1,33	3.991.000.000
- Bà Trần Bửu Hoa	4,49	13.471.600.000	4,49	13.471.600.000
- Các cổ đông khác	32,21	96.638.400.000	26,44	79.317.400.000
- Cổ phiếu quỹ	2,92	8.750.000.000	2,92	8.750.000.000
	100	300.000.000.000	100	300.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	103.200.500	101.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối kỳ	103.200.500	101.880.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	875.000	875.000
- Cổ phiếu phổ thông	875.000	875.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.125.000	29.125.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.125.000	29.125.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.280.861.560.627	1.238.644.371.958
	<u>1.280.861.560.627</u>	<u>1.238.644.371.958</u>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại tỉnh Tây Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc; trồng, khai thác cao su từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích khu đất thuê là 74.257.064,10 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar MeanChey, Vương quốc Campuchia để sử dụng với mục đích trồng cao su, thời hạn thuê đất là 50 năm được tính từ ngày 09/02/2012. Diện tích khu đất thuê là 7.031,17 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước Campuchia.

b) Tài sản nhận giữ hộ

	Đơn vị tính	30/06/2025	01/01/2025
- Mủ cao su khách hàng gửi kho	Tấn	-	0,031
- Mủ cao su nhận gia công	Tấn	-	24,360

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng Riel (KHR)	92.522.929,00	83.390.324,00
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.729.216,24	3.049.410,68

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đức	1.115.343.422	1.115.343.422
- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Đồng Dương	137.200.000	137.200.000
- Công ty TNHH Xây dựng Xanh	25.919.196	25.919.196
	<u>1.278.462.618</u>	<u>1.278.462.618</u>

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm cao su	344.426.838.576	200.042.434.660
Doanh thu bán hàng hóa	10.975.934.875	30.467.721.241
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.148.033	5.485.968.462
	<u>358.218.921.484</u>	<u>235.996.124.363</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	<u>22.408.874.868</u>	<u>17.484.744.689</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của mủ cao su thành phẩm	210.846.069.325	147.819.967.619
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.900.192.979	29.840.492.984
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.749.710.398	5.460.246.418
Kết chuyển chi phí chung vượt dự toán	4.526.161.227	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	386.310	778.837
	229.022.520.239	183.121.485.858
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	12.242.068.694	15.963.100.872

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.523.595.029	630.500.240
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.233.018.210	12.068.293.796
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	162.863.127	568.831.725
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	136.843.177	50.697.906
	12.056.319.543	13.318.323.667
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	8.233.018.210	12.068.293.796

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	336.524.145	6.700.383.889
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	82.372.708	55.252.936
	418.896.853	6.755.636.825

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	674.429.901	982.085.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.117.116.948	2.900.982.525
Chi phí khác bằng tiền	43.488.381	97.115.965
	2.835.035.230	3.980.184.451
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	-	40.000.000

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	539.571.266	780.633.934
Chi phí nhân công	11.684.393.830	9.319.874.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	751.685.696	920.069.793
Thuế, phí, lệ phí	265.836.873	300.566.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.565.780.704	1.482.499.783
Chi phí khác bằng tiền	11.446.629.729	7.557.728.193
	26.253.898.098	20.361.372.561
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	8.876.000	1.140.000

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng quyền khai thác mủ cao su	-	1.733.240.741
Thu nhập từ cây cao su gãy đổ	41.431.168	92.160.500
Thu nhập từ hợp tác trồng mía	-	272.389.000
Thu nhập tại Phòng khám đa khoa và quầy thuốc	714.651.356	451.998.000
Thu nhập từ mủ tận thu, kiểm phẩm	-	319.032.000
Thu nhập từ bán phế liệu	1.454.545	1.727.273
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	87.681.817	53.181.815
Thu nhập từ tiền bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng	-	107.240.628
Thu nhập từ hợp tác trồng xen canh cây ngắn ngày	158.566.881	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ của Quỹ bảo hiểm xuất khẩu cao su	736.813.028	-
	1.740.598.795	3.030.969.957
Trong đó: Thu nhập khác đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	-	92.160.500

29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhượng quyền khai thác mủ cao su	-	182.038.009
Chi phí tại Phòng khám đa khoa và quầy thuốc	714.651.356	451.998.000
Các khoản bị phạt và lãi chậm nộp	6.851.231	383.116.889
Chi phí hợp tác trồng mía	-	75.974.887
Chi phí hợp tác trồng xen canh cây ngắn ngày	84.557.044	-
Chi phí thanh lý cây cao su gãy đổ	3.400.000	-
Chi phí khác	7.566.285	13.218.012
	817.025.916	1.106.345.797

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	7.456.803.031	2.225.279.919
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	1.586.421
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.456.803.031	2.226.866.340

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.317.196.452	1.317.196.452
	1.317.196.452	1.317.196.452

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	247.700.252
	-	247.700.252

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	105.278.588.841	28.194.600.803
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	105.278.588.841	28.194.600.803
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	29.125.000	29.125.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.615	968

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.883.261.214	28.398.137.649
Chi phí nhân công	120.543.230.741	89.369.656.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.849.172.060	21.655.792.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.576.415.987	9.878.766.505
Chi phí khác bằng tiền	30.414.131.617	31.469.959.377
	228.266.211.619	180.772.312.706

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	45.033.000.000	45.033.000.000
	-	-	45.033.000.000	45.033.000.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	43.620.200.000	43.620.200.000
	-	-	43.620.200.000	43.620.200.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.730.620.458	-	-	288.730.620.458
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.602.921.811	-	-	30.602.921.811
	<u>319.333.542.269</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>319.333.542.269</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.755.811.231	-	-	258.755.811.231
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.230.485.101	-	-	8.230.485.101
	<u>266.986.296.332</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>266.986.296.332</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	29.730.635.766	-	-	29.730.635.766
Chi phí phải trả	46.351.862.228	-	-	46.351.862.228
	<u>76.082.497.994</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>76.082.497.994</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và các khoản nợ	9.804.531.924	36.209.639.254	-	46.014.171.178
Phải trả người bán, phải trả khác	3.604.138.105	-	-	3.604.138.105
Chi phí phải trả	34.164.924.606	-	-	34.164.924.606
	<u>47.573.594.635</u>	<u>36.209.639.254</u>	<u>-</u>	<u>83.783.233.889</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	46.014.171.178	75.852.215.146

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

a) Thông tin về việc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1385/NQ-HĐQTCTSTN ngày 07/07/2025, Công ty mẹ thông qua việc bán cổ phiếu quỹ với nội dung cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu đang ký bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh;
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Mã chứng khoán: TRC;
- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ hiện có: 875.000 cổ phiếu;
- Tổng số lượng đăng ký bán: 875.000 cổ phiếu;
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng thặng dư vốn cho Công ty, nâng cao năng lực tài chính, thu hút đầu tư với các đối tác lớn;
- Thời gian dự kiến giao dịch: Sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được tài liệu báo cáo bán cổ phiếu quỹ đầy đủ, hợp lệ và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định. Thời gian giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch, dự kiến trong Quý III và Quý IV năm 2025;
- Phương thức giao dịch: Thỏa thuận và/hoặc khớp lệnh trên sàn HoSE;
- Nguyên tắc xác định giá và số lượng đặt bán hàng ngày: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Các văn bản pháp luật có liên quan và theo quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Giá (khoảng giá): Theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch và dự kiến không thấp hơn 51.000 VND/cổ phiếu, đảm bảo tuân thủ quy định theo quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Tên công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty mẹ đang trong quá trình hoàn tất các hồ sơ cần thiết theo quy định để thực hiện chào bán cổ phiếu quỹ.

b) Thông tin về việc thanh toán cổ tức năm 2024

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1383/NQ-HĐQTCTSTN ngày 07/07/2025, Công ty mẹ thông nhất thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 25%/mệnh giá (01 cổ phiếu nhận được 2.500 VND); ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách là 31/07/2025; ngày thanh toán cổ tức là 19/12/2025.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mủ cao su nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	204.291.396.662	153.927.524.822	-	358.218.921.484
Tài sản bộ phận	1.757.671.538.971	1.482.520.615.776	(969.568.963.612)	2.270.623.191.135
Tổng chi phí mua TSCĐ	6.096.155.373	4.885.460.521	-	10.981.615.894

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		22.408.874.868	17.484.744.689
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	9.527.070.000	13.623.280.364
- C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Cùng Công ty mẹ	10.072.454.700	-
- Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu II	Cùng Công ty mẹ	-	611.245.200
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	78.370.371
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	2.789.748.033	2.914.323.300
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Cùng Công ty mẹ	-	235.480.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Cùng Công ty mẹ	19.602.135	22.045.454
Mua hàng hóa, dịch vụ, phí gia công		12.242.068.694	15.963.100.872
- C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd	Cùng Công ty mẹ	10.854.435.694	7.351.435.872
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	-	7.570.080.000
- Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	1.142.133.000	870.335.000
- Công ty TNHH In Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	245.500.000	171.250.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		8.233.018.210	12.068.293.796
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Cùng Công ty mẹ	8.233.018.210	8.536.293.796
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	3.532.000.000
Chi phí bán hàng		-	40.000.000
- Công ty TNHH In Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	40.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.876.000	1.140.000
- Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	8.876.000	1.140.000
Thu nhập từ cao su thanh lý, gãy đổ		-	92.160.500
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	92.160.500

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		866.918.092	835.702.868
- Ông Phạm Văn Hồi Em	Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 25/06/2024	-	24.000.000
- Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên HĐQT	129.600.000	129.600.000
- Ông Nguyễn Hồng Thái	(1)	185.663.160	186.870.828
- Ông Hồ Trung Nghĩa	(2)	261.654.932	246.832.040
- Ông Phan Xuân Hường	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/05/2025	41.600.000	-
- Bà Trần Thị Tố Anh	Kế toán trưởng	115.200.000	115.200.000
- Bà Đặng Thị Bông	Trưởng Ban kiểm soát	115.200.000	115.200.000
- Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000

- (1) Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh, đồng thời là Chủ tịch Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (công ty con).
- (2) Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh, đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (công ty con).

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

39 . SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Người lập

Ngô Long Phi

Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh

Tây Ninh, ngày 29 tháng 07 năm 2025



Nguyễn Hồng Thái